**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

Khoa: Ngoại ngữ

Bộ môn: Thực hành tiếng

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần:**

Tên học phần:

* Tiếng Việt:**Ngữ pháp 1**
* Tiếng Anh: **Grammar 1**

Mã học phần: FLS323 Số tín chỉ: 2 (30 – 0)

Đào tạo trình độ: Đại học

Học phần tiên quyết:

**2. Thông tin về giảng viên:**

Họ và tên: Bùi Thị Ngọc Oanh Chức danh, học vị: GV, Thạc sĩ

Điện thoại: 0903544668 Email: [oanhbtn@ntu.edu.vn](mailto:oanhbtn@ntu.edu.vn)

Địa điểm, lịch tiếp SV: VP BM (NDN, tầng 4)

Họ và tên: Nguyễn Phan Quỳnh Thư Chức danh, học vị: GV, Thạc sĩ

Điện thoại: 0978204208 Email: [thunpq@ntu.edu.vn](mailto:thunpq@ntu.edu.vn)

Địa điểm, lịch tiếp SV: VP BM (NDN, tầng 4)

Họ và tên: Trần Thị Thu Trang Chức danh, học vị: GVC, Thạc sĩ

Điện thoại: 0983510739 Email: [trangttt@ntu.edu.vn](mailto:trangttt@ntu.edu.vn)

Địa điểm, lịch tiếp SV: VP BM (NDN, tầng 4)

Họ và tên: Lê Thị Thu Nga Chức danh, học vị: GV, Thạc sĩ

Điện thoại: 0975794427 Email: [lenga@ntu.edu.vn](mailto:lenga@ntu.edu.vn)

Địa điểm, lịch tiếp SV: VP BM (NDN, tầng 4)

**2. Mô tả tóm tắt học phần:**

Học phần cung cấp cho người học kỹ năng tổng hợp về động từ và các từ liên quan đến động từ và ngữ động từ; danh từ, các từ liên quan đến danh từ, ngữ danh từ, và mệnh đề danh từ; mạo từ và đại từ. Người học nắm được các cấu trúc ngữ pháp theo các cấp độ: từ, cụm từ và câu liên quan đến danh từ và động từ. Học phần không những giúp người học thực hành sử dụng các cấu trúc ngữ pháp trên trong giao tiếp nghe, nói, đọc, và viết một cách chính xác, hiệu quả mà còn giúp người học tự tin trong các kỳ thi. Học phần này giúp người học đạt được các kỹ năng giao tiếp đạt cấp độ A2+ theo chuẩn châu Âu (CEFR).

**3. Mục tiêu:**

* Giúp sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để nhớ, hiểu và sử dụng tốt các cấu trúc ngữ pháp liên quan đến động từ và danh từ trong giao tiếp một cách tự nhiên, và thể hiện bản thân một cách trôi chảy.
* Giúp người học có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để học học phần ngữ pháp 2.
* Giúp sinh viên tự tin trong các kỳ thi.

**4. Kết quả học tập mong đợi (KQHT):** Sau khi học xong học phần, người học có thể:

1. Mô tả được chức năng của động từ, động từ tình thái, và các dạng động từ. Sử dụng đúng động từ tình thái và các dạng động từ, đưa ra lời khuyên, và nói, viết câu chính xác với động từ.
2. Mô tả được cấu trúc, cách dùng các thì trong tiếng Anh, và phân biệt được các thì. Viết các đoạn hội thoại, các đoạn văn theo chủ đề quen thuộc dùng các thì một cách chính xác và linh hoạt.
3. Phân biệt được các loại danh từ. Mô tả được chức năng, cách tạo thành danh từ, cụm danh từ và mệnh đề danh từ. Sử dụng đúng các danh từ, cụm danh từ và mệnh đề danh từ vào thực hành giao tiếp nói và viết.
4. Phân biệt được các loại mạo từ. Sử dụng đúng mạo từ vào thực hành giao tiếp nói và viết.
5. Phân biệt được các loại đại từ. Sử dụng đúng các đại từ vào thực hành giao tiếp nói và viết.
6. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần trong giao tiếp nói và viết.
7. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp, hợp tác làm việc theo cặp/ nhóm.
8. Ý thức được học tập và rèn luyện thường xuyên, suốt đời.

**6. Kế hoạch dạy học:**

**6.1 Lý thuyết:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Chủ đề* | *Nhằm đạt KQHT* | *Số tiết* | *Phương pháp dạy – học* | *Chuẩn bị của người học* |
| 1 | Giới thiệu chương trình  Cách học môn Ngữ pháp 1 | a, b, c, d, e, f, g, h | 2 | Diễn giảng, thảo luận nhóm | Không |
| 2  2.1  2.2 | Động từ  Các dạng động từ: infinitive, participle, gerund  Động từ tình thái | a, f, g, h | 8 | Diễn giảng, thảo luận cá nhân, cặp, nhóm; bài tập nhóm, bài tập cá nhân | làm bài tập theo hướng dẫn của GV |
| 3  3.1  3.2  3.3 | Các thì động từ  Các thì hiện tại (hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, hiện tại hoàn thành tiếp diễn)  Các thì quá khứ (quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, quá khứ hoàn thành tiếp diễn)  Các thì tương lai (tương lai đơn, tương lai tiếp diễn, tương lai hoàn thành, tương lai hoàn thành tiếp diễn) | b, f, g, h | 8 | Diễn giảng, thảo luận cá nhân, cặp, nhóm; bài tập nhóm, bài tập cá nhân | làm bài tập theo hướng dẫn của GV |
| 4  4.1  4.2  4.3  4.4  4.5 | Danh từ  Định nghĩa danh từ  Các loại danh từ  Chức năng của danh từ  Cụm danh từ và chức năng  Mệnh đề danh từ và chức năng | c, f, g, h | 4 | Diễn giảng, thảo luận cá nhân, cặp, nhóm; bài tập nhóm, bài tập cá nhân | làm bài tập theo hướng dẫn của GV |
| 5  5.1  5.2  5.3 | Mạo từ  Các loại mạo từ  Cách dùng các mạo từ  Dùng các mạo từ trong câu | d, f, g , h | 4 | Diễn giảng, thảo luận cá nhân, cặp, nhóm; bài tập nhóm, bài tập cá nhân | làm bài tập theo hướng dẫn của GV |
| 6  6.1  6.2  6.3 | Đại từ  Định nghĩa đại từ  Các loại đại từ  Dùng các loại đại từ trong câu | e, g, g, h | 4 | Diễn giảng, thảo luận cá nhân, cặp, nhóm; bài tập nhóm, bài tập cá nhân | làm bài tập theo hướng dẫn của GV |

**7. Tài liệu dạy và học:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Tên tài liệu** | **Năm**  **xuất bản** | **Nhà**  **xuất bản** | **Địa chỉ khai thác tài liệu** | **Mục đích**  **sử dụng** | |
| **Học** | **Tham khảo** |
| 1 | George Yule | Oxford Practice Grammar- Advanced | 2006 | Oxford University Press | Nhà sách |  | x |
| 2 | Mark Nettle and Diana Hopkins | Developing Grammar in Context | 2003 | Cambridge University Press | Nhà sách | x |  |
| 3 | George Davidson | Phrases, Clauses, and Sentences | 2006 | Learners Publishing Pte Ltd | Nhà sách |  | x |
| 4 | Michael Dean | English Grammar Lessons | 2008 | Oxford University Press | Nhà sách |  | x |
| 5 | A.J.Thomson  A.V.Martinet | A Practical  English Grammar | 1998 | Oxford University Press | Nhà sách |  | x |

**8. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:**

- SV có đầy đủ tài liệu và công cụ học tập cần thiết.

- SV tham dự đầy đủ các buổi học và từng cá nhân phải tích cực thảo luận, trình bày ý kiến trong quá trình lên lớp.

- SV chuẩn bị trước bài tập trước khi đến lớp.

- SV làm bài tập ở nhà theo nhóm và cá nhân.

**9. Đánh giá kết quả học tập:**

**9.1 Lịch kiểm tra giữa kỳ (dự kiến):**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Lần kiểm tra* | *Tiết thứ* | *Hình thức kiểm tra* | *Chủ đề/Nội dung được kiểm tra* | *Nhằm đạt KQHT* |
| 1 | 30 | Viết | Các kiến thức, kỹ năng trong tất cả các chủ đề. | a, b, c, d, e, f, g, h |

**9.2 Thang điểm học phần:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Hình thức đánh giá* | *Nhằm đạt KQHT* | *Trọng số (%)* |
| 1 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | a, b, c, d, e, f, g, h | 30 |
| 2 | Bài tập | a, b, c, d, e, f, g, h | 10 |
| 3 | Hoạt động nhóm | a, b, c, d, e, f, g, h | 5 |
| 4 | Điểm chuyên cần/thái độ | a, b, c, d, e, f, g, h | 5 |
| 5 | Thi kết thúc học phần: | a, b, c, d, e, f, g, h | 50 |

**TRƯỞNG BỘ MÔN CÁC GIẢNG VIÊN**

**TS. Trần Thị Minh Khánh Ths. Bùi Thị Ngọc Oanh** **Ths. Nguyễn Phan Quỳnh Thư**

**Ths. Trần Thị Thu Trang**

**Th.s Lê Thị Thu Nga**